

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2018/DS-ST

Ngày: 31 – 10 – 2018

“V/v **tranh chấp đòi lại tài sản
(tiền)**”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thanh Nhanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Thanh Phong.
2. Ông Lý Thanh Chiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:

Ông Đỗ Minh Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2018/TLST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2018, về việc: “Tranh chấp đòi lại tài sản (tiền)”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2018/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 9 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2018/QĐST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2018, Thông báo về việc dời thời gian mở phiên tòa xét xử sơ thẩm số: 324/TB-TA ngày 12 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị K.**

Địa chỉ: Số nhà 0x, đường Quốc Lộ 1A, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

(Có mặt).

2. Bị đơn: Bà **Lê Hồng H.**

Địa chỉ: Ấp Phước N, xã P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong Đơn khởi kiện ngày 30/5/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Lê Thị K trình bày:

Bà Huỳnh Thị T có chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Lê Hồng H với số tiền bao nhiêu bà không nhớ. Lúc đó bà T có nợ tiền bà Lê Thị K, nên các bên thỏa thuận là bà H có trách nhiệm trả tiền thay cho bà K số tiền bao nhiêu bà không nhớ. Bà H đã trả ngay được một phần, còn nợ lại 45.300.000 đồng, bà H có lập biên nhận ngày 26/10/2016, bà H hứa trả số nợ này vào thời điểm đông xuân năm 2017. Vào ngày 27/02/2018 bà H viết biên nhận lần thứ 2, cam kết sẽ trả dứt số nợ trên vào ngày 27/5/2018. Nhưng đến nay bà H vẫn không trả cho bà K.

Bà K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H phải trả ngay cho bà K số tiền 45.300.000 đồng, đồng thời phải trả tiền lãi tính từ ngày 26/10/2016 đến tháng 4/2018, lãi suất theo Ngân hàng. Nếu trả chậm yêu cầu được tính lãi tiếp tục theo quy định của Tòa án.

Tại phiên tòa, bà K yêu cầu bà H trả ngay một lần số tiền 45.300.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

2. Đối với bị đơn bà Lê Hồng H: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ đương sự tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hai lần nhưng đều vắng mặt không lý do, Tòa án đã thông báo cho bị đơn biết kết quả phiên họp công khai chứng cứ, nhưng bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Phiên tòa này là lần thứ hai, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ, nhưng vắng mặt không có lý do.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên:

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về nội dung thì cho rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền, nên đây là vụ án tranh chấp đòi lại tài sản (tiền) và do bị đơn cư trú ấp Phước N, xã P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, nên Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Lê Hồng H đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Việc vắng mặt này không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bà K thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà H trả số tiền gốc 45.300.000 đồng, không yêu cầu tính lãi như đơn khởi kiện. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà K không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Bà H có viết biên nhận nhận nợ bà K là 45.300.000 đồng; theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định thì đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó. Nhưng bà H không có ý kiến phản đối và cũng không cung cấp chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối của mình.

[4] Từ những phân tích trên, xét thấy việc bà K yêu cầu bà H trả tiền gốc 45.300.000 đồng và không yêu cầu tính lãi là có căn cứ. Vì vậy, cần buộc bà H phải trả cho bà K số tiền nêu trên. Đồng thời bà H còn phải chịu tiền lãi đối với tiền gốc cho đến khi trả xong nợ.

Do đó, lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do bà H có trách nhiệm trả tiền cho bà K, nên bà H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể là $45.300.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.265.000 \text{ đồng}$.

Bà K được miễn tạm ứng án phí, nên không xem xét tiền tạm ứng án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bị đơn bà Lê Hồng H phải trả cho nguyên đơn bà Lê Thị K tổng cộng số tiền là 45.300.000 đồng (bốn mươi lăm triệu, ba trăm nghìn đồng).

2. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày bà K có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10%/năm.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Lê Hồng H phải chịu 2.265.000 đồng (hai triệu, hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Lê Thị K được miễn tạm ứng án phí sơ thẩm, nên không xem xét giải quyết về tiền tạm ứng án phí sơ thẩm.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thanh Nhanh